

**Xy lanh nhỏ gọn**  
**ADN-40-30-I-P-A**  
Số bộ phận: 536304

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                       |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 30 mm                                                         |
| Ø pít tông                                            | 40 mm                                                         |
| Ren thanh pít tông                                    | M8                                                            |
| Đệm                                                   | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu                       |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kì                                                        |
| Tuân theo tiêu chuẩn                                  | ISO 21287                                                     |
| Đầu thanh piston                                      | Ren trong                                                     |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                          |
| Các biến thể                                          | thanh pít-tông một mặt                                        |
| Áp suất vận hành                                      | 0.06 MPA...1 MPA<br>0.6 bar...10 bar                          |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Loại phòng sạch                                       | Loại 6 theo ISO 14644-1                                       |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -20 °C...80 °C                                                |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                  | 0.7 J                                                         |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 686 N                                                         |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống | 754 N                                                         |
| Khối lượng di chuyển                                  | 78 g                                                          |
| trọng lượng sản phẩm                                  | 424 g                                                         |
| Kiểu gắn                                              | với lỗ xuyên<br>với ren trong<br>với phụ kiện<br>tùy ý:       |
| Cổng nối khí nén                                      | G1/8                                                          |
| Ghi chú vật liệu                                      | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vít cố vật liệu                                       | Thép                                                          |
| Vật liệu phủ                                          | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                    |
| Vật liệu của phốt                                     | TPE-U(PUR)                                                    |

| Đặc tính              | Giá trị                        |
|-----------------------|--------------------------------|
| Vật liệu thanh piston | thép hợp kim                   |
| Vật liệu vỏ xy lanh   | Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn |